

BIỂU TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU VỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM
Năm 2023

STT	Thôn, khu dân cư	Số nhân khẩu (người)	Tổng số lao động trong độ tuổi lao động (người)	Lực lượng lao động												
				Tổng số lực lượng lao động (người)	Lao động chia theo ngành						Số lao động có việc làm thường xuyên (người)	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên (%)	Số lao động qua đào tạo (người)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (người)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)
					Nông nghiệp, thủy sản		Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp		Dịch vụ							
					Số lao động	Tỷ lệ %	Số lao động	Tỷ lệ %	Số lao động	Tỷ lệ %						
A	B	C	D	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)=(6)/(1)	(8)	(9)=(8)/(1)	(10)	(11)=(10)/(1)	(12)	(13)=(12)/(1)
1	Thôn Tân Quang	2003	1 113	867	164	18,91	495	57,0	208	24,00	862	99,42	550	63,43	369	42,56
2	Thôn Nhữ Tĩnh	3145	1 887	1 470	279	18,97	836	56,87	355	24,14	1 441	98,02	940	63,94	602	40,95
3	Thôn Vũ Xá	1732	1 056	813	150	18,45	462	56,82	201	24,72	776	95,44	520	63,96	368	45,26
	TỔNG CỘNG	6 880	4 056	3 150	593	18,82	1 793	56,92	764	24,25	3 079	97,74	2 010	63,80	1 339	42,5

Ghi chú: Lực lượng lao động bao gồm những người có hộ khẩu tại xã/thị trấn; đang sinh sống trên địa bàn xã/tt, từ đủ 15 tuổi trở lên, có tham gia các hoạt động kinh tế trong thời gian tham chiếu (07 ngày trước thời điểm quan sát)

Quang Khải, ngày 08. tháng 12 năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
PHÓ CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP

Phùng Trọng Quang

Nguyễn Hồng Thiêm